

Bản án số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 18-7-2025

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phan Ngọc Thạch**;

Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Quốc Việt**, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Cường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H; địa chỉ: Số B B, N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Phan Trường A – Giám đốc Chi nhánh T1 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Ông Nguyễn Thành N – Trưởng phòng dịch vụ khách hàng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19/3/2025 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ngày 04/01/2023, anh B có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H – Chi nhánh T1 (từ đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm, dịch vụ số

HĐTGT/12/0346/001/040123 với hạn mức 100.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 29%/năm, có số tài khoản thẻ là 817340368689. Đến ngày 12/01/2023, anh [B](#) mở thêm thẻ tín dụng cùng hạn mức đã cấp ngày 04/01/2023, có số tài khoản thẻ là 9109893988313, lãi suất 36%/năm. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng anh [B](#) đã thực hiện nhiều giao dịch nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở. Tính đến ngày 26/5/2025, anh [B](#) còn nợ Ngân hàng 98.006.993 đồng tiền gốc, 13.517.089 đồng tiền lãi và 10.509.434 đồng tiền phí, tổng cộng là 122.033.525 đồng.

Nay ông [N](#) đại diện cho Ngân hàng yêu cầu anh [B](#) có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng tiền gốc, tiền lãi, tiền phí tính đến ngày 26/5/2025 là 122.033.525; yêu cầu tính lãi quá hạn, tiền phí phát sinh từ ngày 27/5/2025 cho đến khi tất nợ theo quy định tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm, dịch vụ số HĐTGT/12/0346/001/040123 đã ký kết ngày 04/01/2023. Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là anh [Hoàng Văn B](#) vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với anh [B](#). Buộc anh [B](#) có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 98.006.993 đồng tiền gốc và tiền lãi, tiền phí theo thỏa thuận hợp đồng.

- Về án phí: Anh [B](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông [T](#) là Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông [A](#) đại diện. Ông [A](#) vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông [N](#) đại diện. Ông [N](#) vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh [B](#) là bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông [T](#), ông [A](#), ông [N](#), anh [B](#).

[2] Về nội dung tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, ông [N](#) đại diện cho Ngân hàng yêu cầu anh [B](#) trả lại cho Ngân hàng 122.033.525 đồng gồm tiền

gốc, tiền lãi, tiền phí tính đến ngày 26/5/2025; tiền lãi quá hạn, tiền phí phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm, dịch vụ số HĐTGTT/12/0346/001/040123 đã ký kết ngày 04/01/2023 tính từ ngày 27/5/2025 cho đến khi tất nợ. Xét yêu cầu của Ngân hàng thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm, dịch vụ số HĐTGTT/12/0346/001/040123 đã ký kết ngày 04/01/2023 do Ngân hàng cung cấp có đủ căn cứ xác định anh **B** có ký kết với Ngân hàng Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm, dịch vụ lãi suất 29%/năm, có số tài khoản thẻ là 817340368689; đến ngày 12/01/2023, anh **B** mở thêm thẻ tín dụng cùng hạn mức đã cấp ngày 04/01/2023, có số tài khoản thẻ là 9109893988313, lãi suất 36%/năm trên là có thật. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh **B** đã thực hiện nhiều giao dịch nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở. Tính đến ngày 26/5/2025, anh **B** còn nợ Ngân hàng 98.006.993 đồng tiền gốc, 13.517.089 đồng tiền lãi và 10.509.434 đồng tiền phí, tổng cộng là 122.033.525 đồng theo các Bảng sao kê thẻ tín dụng do Ngân hàng cung cấp cũng là có thật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh **B** đều vắng mặt nên không có lời trình bày, không có chứng cứ phản bác nên xem như không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình.

[2.3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng yêu cầu anh **B** trả lại cho Ngân hàng 122.033.525 đồng tiền gốc, tiền lãi, tiền phí tính đến ngày 26/5/2025; tiền lãi quá hạn, tiền phí phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm, dịch vụ số HĐTGTT/12/0346/001/040123 đã ký kết ngày 04/01/2023 tính từ ngày 27/5/2025 cho đến khi tất nợ là có căn cứ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh **B** phải chịu 6.102.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147 của Bộ

luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H đối với anh Hoàng Văn B về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Buộc anh Hoàng Văn B có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H 98.006.993 (chín mươi tám triệu không trăm lẻ sáu nghìn chín trăm chín mươi ba) đồng tiền gốc, 13.517.089 (mười ba triệu năm trăm mười bảy nghìn không trăm tám mươi chín) đồng tiền lãi, 10.509.434 (mười triệu năm trăm lẻ chín nghìn bốn trăm ba mươi bốn) đồng tiền phí, tổng cộng là 122.033.525 (một trăm hai mươi hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn năm trăm hai mươi lăm) đồng và tiền lãi quá hạn, tiền phí phát sinh theo quy định tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm, dịch vụ số HDTGTT/12/0346/001/040123 đã ký kết ngày 04/01/2023 tính từ ngày 27/5/2025 cho đến khi tất nợ.

2. Về án phí:

- Anh Hoàng Văn B phải chịu 6.102.000 (sáu triệu một trăm lẻ hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H 2.815.000 (hai triệu tám trăm mười lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0003218 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 do Nguyễn Thành N nộp thay).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Chung